

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 -7 -2019

V/v Ly hôn, tài sản chung

giữa bà L, ông Ph

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 09-7-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc xin ly hôn, tài sản chung và công nợ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1.Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 10, xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

2. Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30 tháng 10 năm 2019 và trong quá tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Ph kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01-11-1991. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của

ông Ph ở xóm 9 xã Hải Sơn, sau đó xây nhà ở riêng khoảng năm 1992. Đến năm 1999, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng cùng vào tỉnh Đắk Nông làm kinh tế thì phát sinh mâu. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích đánh chửi nhau. Năm 2009 vợ chồng về xã Hải Sơn chung sống, nhưng giữa bà và ông Ph mâu thuẫn càng trầm trọng, từ tháng 9-2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L làm đơn xin được ly hôn ông Ph.

Về con chung: Bà L trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Phú, sinh ngày 20-8-1992 và cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 20-7-1997. Hiện nay các cháu đã trưởng thành lao động tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà L và ông Ph đã tự phân chia tài sản và công nợ. Hai bên đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án để thuận lợi cho việc sở hữu, sử dụng sau này cụ thể :

Ông Nguyễn Văn Ph được quyền sở hữu 01 nhà cấp bốn mái bằng, các công trình xây dựng trên đất và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và được quyền sử dụng 295m² (trong đó đất ở 165m², đất vườn 130m²), vị trí tờ bản đồ số 33, thửa 123 tại xóm 9, xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Ph. Nhưng phải có trách nhiệm trả con gái Nguyễn Thị H 5 chỉ vàng 24k.

Bà Phạm Thị L được quyền sử dụng 225m² (trong đó có 100m đất ONT và 125m² đất HNK), thửa 493, tờ bản đồ số 25 vị trí tại thôn Tân Định, xã Đắk Gản, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đứng tên ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị L. Nhưng bà Phạm Thị L phải có trách nhiệm trả bà Đỗ Thị H1 3 chỉ vàng 24k.

Về tiêu chuẩn ruộng đất nông nghiệp của ông Ph, bà L và cháu Phú. Các bên tự thỏa thuận phân chia với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20-5-2019, trong quá trình tổ tụng tại Tòa án bị đơn ông Nguyễn Văn Ph có lời khai phù hợp với lời khai của bà L về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Về mâu thuẫn, ông Ph cho rằng bà L trình bày là đúng. Tuy nhiên, do vợ chồng ông Ph theo đạo Thiên chúa giáo, Giáo lý không cho phép ly hôn nên ông Ph không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông Ph xác nhận vợ chồng có 02 con chung như bà L trình bày. Nhưng do hai cháu đều đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập nên ông Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung. Mặc dù ông Ph không nhất trí ly hôn, nhưng về tài sản chung và công nợ chung hai bên đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong, đề nghị Tòa án ghi rõ trong bản án để thuận lợi cho việc sở hữu, sử dụng sau này như bà L đã trình bày. Do điều kiện công việc bận nên ông Ph xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Đỗ Thị H1 và chị Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có lời khai thống nhất với số nợ như bà L, ông Ph trình bày, trong

quá trình giải quyết vụ án bà L, ông Ph thỏa thuận, bà L trả bà H1 3 chỉ vàng 24k, ông Ph trả chị H 5 chỉ vàng 24k. Bà H1 và chị H hoàn toàn nhất trí. Do điều kiện công việc bận nên bà H1 và chị H xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ph là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Ph là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 1-11-1991. Do trong cuộc sống vợ chồng tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ tháng 9-2016 đó đến nay nên bà L đề nghị xin được ly hôn ông Ph.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị L thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông Ph xuất phát từ tính tình, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau đến nay bà L và ông Ph đã sống ly thân, nhưng 02 bên không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Ph và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của bà L đối với ông Ph là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Bà L và ông Ph có 02 chung là anh Nguyễn Văn Phú, sinh ngày 20-8-1992 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 20-7-1997, hiện đã trưởng thành lao động tự lập được nên hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và công nợ: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Ph trình bày có tài sản chung là nhà đất, các tài sản trên đất. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ đề nghị Tòa án ghi trong bản án để thuận lợi cho việc sở hữu, sử dụng sau này cụ thể: Ông Nguyễn Văn Ph được quyền sở hữu 01 nhà cấp bốn mái bằng, các công trình xây dựng trên đất và các đồ dung sinh hoạt trong gia đình và được quyền sử dụng 295m² (trong đó đất ở 165m², đất vườn 130m²), vị trí tờ bản đồ số 33, thửa 123 tại xóm 9, xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Ph. Nhưng ông Ph phải trả nợ cho con gái Nguyễn Thị H 5 chỉ vàng 24k.

Bà Phạm Thị L được quyền sử dụng 225m² (trong đó có 100m² đất ONT và 125m² đất HNK), thửa 493, tờ bản đồ số 25 vị trí tại thôn Tân Định, xã ĐăK Gắn,

huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông đứng tên ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị L. Nhưng bà Phạm Thị L phải trả nợ bà Đỗ Thị H1 3 chỉ vàng 24k.

Xét sự thỏa thuận trên không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tiêu chuẩn đất ruộng nông nghiệp theo các đương sự trình bày gồm có của ông Ph, bà L và anh Phú. Các bên tự thỏa thuận phân chia với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về đất ruộng nông nghiệp không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227 ; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn Ph.

2. Về tài sản chung và cộng nợ: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn Ph được quyền sở hữu 01 nhà cấp bốn mái bằng, các công trình xây dựng trên đất và các đồ dung sinh hoạt trong gia đình và được quyền sử dụng 295m² (trong đó đất ở 165m², đất vườn 130m²), vị trí tờ bản đồ số 33, thửa 123 tại xóm 9, xã Hải Sơn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Ph. Nhưng ông Ph phải trả nợ cho con gái Nguyễn Thị H 5 chỉ vàng 24k.

- Bà Phạm Thị L được quyền sử dụng 225m² (trong đó có 100m² đất ONT và 125m² đất HNK), thửa 493, tờ bản đồ số 25 vị trí tại thôn Tân Định, xã Đăk Gắn, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông đứng tên ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị L. Nhưng bà Phạm Thị L phải trả nợ bà Đỗ Thị H1 3 chỉ vàng 24k.

Các đương sự có trách nhiệm đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147; điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000476 ngày 20-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; bà L đã nộp đủ án phí.

Về án phí chia tài sản: Do bà L và ông Ph tự thỏa thuận phân chia tài sản

chung trước khi Tòa án hòa giải nên không phải chịu án phí dân sự về phân chia tài sản chung.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiêm

Nguyễn Thị H

Bùi Văn Bình

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải Sơn: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

